

Bản án số: /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2026
V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Đặng Quang Hoạch

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Phương Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 3 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên
tòa:* ông Phạm Hữu Tình– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng
Nai xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình
thụ lý số 353/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
90/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 134/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Dịp Thành T** – sinh năm 1994

CCCD: 075094016518 cấp ngày 12/8/2022 do Cục trưởng cục cảnh sát
quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: **Ấp D, xã L, thành phố Đ**

- **Bị đơn:** Bà **Trịnh Thị Hồng H** – sinh năm 1991

CCCD: 075191007932 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: **Số E ấp A, xã H, thành phố Đ.**

(Ông **T**, bà **H** cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong
hồ sơ vụ án, ông **Dịp Thành T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông **T** và bà **H** tự nguyện yêu thương và có đăng
ký kết hôn ngày 08/5/2019 tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã
L, thành phố Đ)**

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của bản thân. Đã nhiều lần hòa giải với nhau để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng kết quả không thành. Từ năm 2019, ông **T** và bà **H** không sống chung với nhau. Nay tình cảm của ông **T** đối với bà **H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa, ông **T** xác định giữa ông và bà **H** không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy ông **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Trịnh Thị Hồng H**.

- Về con chung: Ông **T** và bà **H** có 01 con chung là **Dịp Hoàng Đăng K**, sinh ngày 09/4/2020

Khi ly hôn, ông **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/5/2026, ông **T** có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà **Trịnh Thị Hồng H đã được tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản theo trình tự tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.**

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của ông **T** là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho ông **T** được ly hôn với bà **H**. Về con chung: Giao cháu **Dịp Hoàng Đăng K**, sinh ngày 09/4/2020 cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì đương sự không yêu cầu. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có. Về án phí: ông **T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông **Dịp Thành T** nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Trịnh Thị Hồng H**, sinh năm: 1991, địa chỉ: **ấp D, xã L, thành phố Đ** và yêu cầu được nuôi con nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì HĐXX xác định đây là quan hệ là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông **Dịp Thành T** nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết theo thủ tục thông thường.

Ngày 20/5/2026, ông **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **H** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông **T**, bà **H**.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **T** và bà **H** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 08/5/2019 tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, thành phố Đ)** nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông **T** nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà **H** với lý do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án ông **T** kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với bà **H**. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho bà **H** nhưng bà **H** không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này thể hiện việc bà **H** đã không còn thiết tha, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông **T**. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông **T** và bà **H** là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T**. Ông **Dịp Thành T** được ly hôn với bà **Trịnh Thị Hồng H** là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Ông **T** xác định có 01 con chung là cháu **Dịp Hoàng Đăng K**, sinh ngày 09/4/2020. Ly hôn, ông **T** yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: việc bà **H** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng bà **H** không đến Tòa làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy bà **H** phải chịu hậu quả pháp lý của việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông **T** là có cơ sở nên chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông **T** không yêu cầu bà **H** phải cấp dưỡng nên ghi nhận, tạm thời bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà **H** không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến nên không đủ cơ sở xác

định đối với phần tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đối với phần tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định.

[3.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3.5] Nợ chung: Ông **T** xác định không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông **T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân năm 2014;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Dịp Thành T** về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với bà **Trịnh Thị Hồng H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Dịp Thành T** được ly hôn với bà **Trịnh Thị Hồng H**.

2. Về con chung:

Giao cháu **Dịp Hoàng Đăng K**, sinh ngày 09/4/2020 cho ông **Dịp Thành T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời bà **Trịnh Thị Hồng H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà **Trịnh Thị Hồng H** được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: ông **Dịp Thành T** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005850 ngày 17/3/2026 tại Thi hành **án dân sự tỉnh Đ** (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**). Ông **Dịp Thành T** đã nộp đủ án phí.

6. Ông **T**, bà **H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa**

Vũ Xuân Tuất

Đặng Quang Hoạch

Trần Và Kíu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND tỉnh Đồng Nai;
 - THA tỉnh Đồng Nai;
 - UBND xã Lộ 25, h. Thống Nhất, t. Đồng Nai (nay là xã lộ 25, Tp. Đồng Nai)
- (Số CNKH: 34 ngày 08/5/2019)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ.

Trần Và Kíu

